

SỐ 1644

LUẬN LẬP THẾ A TỖ ĐÀM

Hán dịch: Tam Tạng Chân Đế

QUYỂN 1

Phẩm 1: ĐỊA ĐỘNG

Như Phật Bà Già Bà và A La Hán nói: Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật Thế Tôn trú tại lầu các Liên Hoa ở Tinh xá Lộc-tử-mẫu của Ưu-ba-di Tỳ-xá-khư thuộc đại thành Xá Vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Tất cả họ đều là các bậc A-la-hán, các lậu đã hết, đã được tự lợi, dứt hết kiết sử, tâm được tự tại, việc làm đã xong, bỏ hết gánh nặng, chánh trí giải thoát, chỉ trừ A nan. Lúc ấy, đại địa chấn động, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính, đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà đại địa chấn động.

Đức Phật bảo Phú Lâu Na: Này Tỳ-kheo! Ông nay hãy một lòng lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì Ông mà phân biệt giảng thuyết. Có hai nhân duyên làm cho đại địa chấn động. Những gì là hai? Này Tỳ-kheo! Đó là địa giới trú trên thủy giới, là thủy giới trú trên phong giới, là phong giới trú trong hư không. Này Tỳ-kheo! Có lúc gió lớn (đại phong) thổi động thủy giới, lúc thủy giới động thì địa giới động, đó là nhân duyên thứ nhất làm đại địa động. Này Tỳ-kheo! Lại có oai đức đại thần thông của Chư thiên, nếu muốn chấn động đại địa thì có

thể khiến cho chấn động. Nếu các Tỳ-kheo có đại thần thông và đại oai đức, quán tướng đất làm cho nhỏ lại, quán tướng nước làm cho lớn ra, muốn làm cho đại địa động cũng có thể chấn động, đó là nhân duyên thứ hai làm cho đại địa chấn động.

Lúc ấy, Thế Tôn muốn dùng kệ nói lại nghĩa này:

*Phong giới làm thủy động
Địa động do thủy động
Nhân duyên động thứ nhất
Là sở thuyết thật danh
Chư thiên và Tỳ-kheo
Oai thần làm chấn động
Nhân duyên động thứ hai
Nói-điều phục kẻ ác.*

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo Phú-lâu-na-ni-đa-la-ni-tử: Có ngọn gió gọi là Tỳ Phong Ba, gió này thường thổi và động không dứt, sức gió này bay lên. Có ngọn gió thổi xuống, có ngọn gió thổi ngang; có ngọn gió thổi liên tiếp vòng tròn, bằng phẳng, chiều dày chín ức sáu vạn do tuần, chiều rộng mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần, chu vi là ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần. Ở phía trên của gió này là thủy giới, trên dưới của thủy giới này đều nằm yên bằng phẳng, không có xao động, chiều dày đến bốn ức tám vạn do tuần, chiều rộng đến mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần, chu vi đến ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần. Phía trên của thủy giới này là địa giới, những vùng bên trên và bên dưới đều an trú bằng phẳng bất động, chiều dày đến hai ức bốn vạn do tuần, chiều rộng đến mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần, chu vi đến ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần. Chư Phật Thế Tôn nói như vậy: Này Tỳ-kheo! Có một đại địa ngục tên là Hắc Ám, bên ngoài mỗi một thế giới đều có và không có che đậy trong đó, chúng sinh tự mình dùng tay sờ soạn, mắt không thể thấy. Tuy mặt trời, mặt trăng có đủ oai thần lớn, nhưng tất cả ánh sáng đều không chiếu sáng ở đó. Địa ngục Hắc Ám như vậy trú ở chỗ nào? Bên ngoài của cả hai bên thế giới Thiết Luân gọi là giới ngoài, là địa ngục Hàn: một là An-phù-đà; hai là Niết-phù-đà; ba là A-ba-ba; bốn là A-tra-tra; năm là Ưu-khổng-khổng; sáu là Uất-ba-lâu; bảy là Câu-vật-đầu; tám là Kiện-đà-cổ; chín là Phân-đà-lợi-cổ; mười là Ba-đâu-ma. Phật bảo Phú-lâu-na: Này Tỳ-kheo! Như nước Ma-già-đà có mười Bà-ha-ma, một Bà-ha-ma có hai mươi Khư-lợi Lượng-ma như vậy tu tại một chỗ, giả như có một người

tuổi đến tròn một trăm năm thì trừ đi một Ma. Nay Tỳ-kheo! Ma tập hợp như vậy còn dễ hết, nhưng ta chưa thể nói cùng tận thọ mạng của địa ngục An-phù-đà. Nay Tỳ-kheo! Gấp mười địa ngục An-phù-đà là lượng thọ mạng địa ngục Niết-phù-đà, mười địa ngục Niết Phù Đà là lượng thọ mạng địa ngục A-ba-ba, cho đến địa ngục Ba-đầu-ma cũng là như vậy. Nay Tỳ-kheo! Tỳ-kheo Cù Già Ly ở chỗ của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sanh ác tâm bất tín, do tâm này nên rơi vào địa ngục Ba-đầu-ma. Lúc ấy, Thế Tôn nói kệ:

*Phàm người ở thế gian
 Dao búa sinh từ miệng
 Do họ tạo ác ngôn
 Vì vậy tự hại thân.
 Đáng chê thì tán thán
 Đáng khen lại chê mắng
 Vì lỗi miệng nên suy
 Suy nên không an vui.
 Ví như nhà mất cửa
 Mất vật, mất tự thân
 Người ấy tội còn nhẹ
 Nếu đối Tu-già-đa
 Sinh tâm ác, chẳng tin
 Tội này nặng nơi kia
 Trăm nghìn Niết Phù Đà
 An Phù Đà ba ức
 Sáu vạn và năm ngàn
 Hoặc phỉ báng Thánh nhân
 Tạo tâm ác, lời ác
 Tùy lượng đoạ địa ngục.
 Tỳ-kheo Cù-già-ly
 Đoạ ngục Ba-đầu-ma
 Phỉ báng đại Thanh văn
 Xá Lợi và Mục Liên.*

Chúng sinh đi hàng ngang ở trong ấy có tướng hưởng thưởng, giống như việc giữ cung. Bên ngoài Thiết-luân, thường đi hàng ngang, thân lượng của họ lớn như An-đa. Vì gió lạnh chạm đến nên thân của họ bị nước nẻ, như áo bị đốt, như rừng trúc nửa bị lửa lớn đốt cháy, tiếng nổ bùng bùng như pháo. Chúng sinh bị gió lạnh chạm vào như vậy nên xương bị nứt ra, tiếng nổ bùng bùng vang xa, nhờ tiếng này nên họ biết

nhau. Có các chúng sinh thọ sinh trong ấy, hoặc lúc đi lại xúc chạm với nhau, nhờ sự xúc chạm này mà được biết nhau. Có các chúng sinh thọ sinh trong ấy, hoặc lúc chư Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, ánh sáng lớn lúc ấy vượt quá sức oai thần lớn của chư thiên, chiếu khắp trong ấy. Nhờ ánh sáng này mà được thấy nhau và suy nghĩ như vậy: “Có các chúng sinh thọ sinh trong đây”. Hoặc có các chúng sinh ở thế giới này chết, phần nhiều sanh đến địa ngục Hàn Băng ở bên ngoài Thiết-luân. Hoặc ở thế giới khác có chúng sinh chết sinh đến địa ngục Hàn Băng, phần nhiều sanh ở thế giới kia, nằm bên ngoài thế giới Thiết Luân. Trong khoảng giữa hai thế giới này có một chỗ rất hẹp chừng tám vạn do tuần, bên dưới không có đáy, bên trên không có gì che. Chỗ ấy rất rộng khoảng mười sáu vạn do tuần.

Lúc ấy, Tịnh mạng A-nan ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính, đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Con nghe pháp cú này từ Thế Tôn, Con thọ trì chánh nghĩa này từ miệng Thế Tôn. Vào thời quá khứ, có một vị Phật là Thi Khí. Ngài có một đệ tử, có đại thần thông đệ nhất tên là A Tỳ Khổng, là một Tỳ-kheo ở trong Đệ tử thiên phạm xứ. Vị này dùng ánh sáng một ngón tay chiếu một ngàn thế giới, một âm thuyết pháp vang khắp một ngàn thế giới, tất cả đều được hiểu rõ chánh nghĩa. Bạch Thế Tôn! Các đệ tử chư Phật oai thần còn vậy, huống là chư Phật Như Lai thì lượng đến thế nào?

A-nan hỏi xong, Phật bèn đáp:

Này A-nan! Tỳ-kheo A Tỳ Khổng này là một vị đệ tử, chư Phật Thế Tôn, như chỗ lượng này không thể nghĩ bàn.

Cho đến lần thứ ba cũng đáp như vậy. Lần thứ tư hỏi xong, Phật bảo A-nan: Nếu chỗ quay quanh của một mặt trời, một mặt trăng gọi là một thế giới, từ một cho đến một nghìn, trong đó có một nghìn mặt trời, mặt trăng, một nghìn núi Tu Di, một nghìn Tứ Đại Thiên Vương, một nghìn cõi trời Đao Lợi, một nghìn cõi trời Dạ Ma, một nghìn cõi trời Đâu Suất Đà, một nghìn cõi trời Hóa Lạc, một nghìn cõi trời Tha Hóa Tự Tại, một nghìn cõi trời Phạm Phụ, một nghìn cõi trời Phạm Chúng. Đại Phạm Vương chỗ này làm chủ một nghìn thế giới, làm vua thống lĩnh tự tại, không lệ thuộc vào người khác, biết sự thành tựu việc của người khác, vì ở thượng thượng phẩm của Sơ thiên nên được tự tại. Đại Phạm Vương trú ở chỗ này được mệnh danh là đệ nhất. Này A-nan! Chỗ Phạm Vương này thống lĩnh có bốn nghìn châu lớn, bốn nghìn cây

lớn, bốn nghìn cung rồng lớn, bốn nghìn trú xứ của chim cánh vàng, bảy nghìn sông lớn, chín nghìn núi lớn, tám nghìn rừng lớn, tám nghìn địa ngục lớn, một nghìn địa ngục Diêm-la, hai nghìn biển lớn, mười sáu nghìn vườn địa ngục, đó gọi là một tiểu thiên thế giới; lại nhân lên một nghìn lần như vậy gọi là trung thiên thế giới. Lại nhân lên một nghìn lần như vậy gọi là Đại thiên thế giới. Nay A-nan! Nếu Như Lai tác ý muốn chiếu, muốn thuyết nơi Đại thiên thế giới này thì ánh sáng chiếu khắp, pháp cú thuyết ra tất cả đều được hiểu. Lại nữa, hoặc muốn đi qua Đại thiên thế giới thì Như Lai đều được tùy ý, chúng sinh ở trong đó không một ai mà không nghe, thấy Như Lai phóng quang, thuyết pháp. Nay A-nan! Nếu Như Lai muốn ngồi cõi trời Phạm xứ A-ca-nị-tra phóng quang thuyết pháp, hoặc đại thiên, hoặc vượt ngoài đại thiên, ánh sáng chiếu khắp, dùng tám phần Phạm thanh thuyết pháp cú nghĩa biến khắp, khiến mọi người đều được lĩnh hội. Nay A-nan! Ánh sáng và âm thanh thuyết pháp của Như Lai này không có chúng sinh nào mà không thấy, không nghe; lúc ấy không có chúng sinh nào mà không đầy đủ các căn. Nay A-nan! Như Lai ở trên cõi trời A-ca-nị-tra thuyết âm thanh này và tuyên bày danh cú này:

*Các người thọ pháp Phật
 Khởi cung kính siêng năng,
 Trụ trong pháp, quán tu
 Ra khỏi nạn ba cõi,
 Diệt quân lính vua “chết”
 Như voi phá nhà cửa
 Nếu trong luật pháp Phật
 An trụ không phóng dật,
 Người này xả sanh tử,
 Đến tận cùng hết khổ.*

Lúc ấy, A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính, đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Con nay ít có lợi dưỡng, con nay khéo được lợi hy hữu, con nay được nhờ oai đức rộng lớn, thần thông tròn đủ của Đại sư.

Lúc ấy, Tịnh mạng Ưu Đà Di ở trong đại chúng, cách Phật không xa, nói với A-nan:

Ông làm sao có được đầy đủ oai đức, thần thông quảng đại của Đại Sư.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo với Tỳ-kheo Ưu-đà-di:

Ông chớ tác ý trái với thâm tâm của A-nan. Nếu trước đây, ta không thọ ký cho A-nan đời này được quả A-la-hán thì do lòng tin này mà nghiệp báo chỗ sinh sẽ có ba mươi sáu lỗi, làm vua cõi trời Tha Hóa Tự Tại, cho đến ba mươi sáu lỗi làm thiên chủ cõi trời Đao Lợi. Huống gì làm Chuyển Luân Thánh Vương thuộc dòng họ Sát Lợi Vương, nhận chức Quán đảnh, cho đến làm vua bốn thiên hạ.

Này Tỳ-kheo Ưu-đà-di và A-nan! Từ xa xưa, ta đã vì họ mà thọ ký. Ta nói rất nhiều chúng sinh ở trong Dục giới, sinh trong nước thì nhiều, sinh trên đất thì ít; sinh trên đất ấy, súc sinh thì nhiều mà nhân đạo thì rất ít; trong nhân đạo, kẻ phá giới thì nhiều còn người trì giới thì ít; trong số người trì giới thì kẻ phạm phũ thì nhiều, còn đệ tử bậc Thánh thì ít; trong đệ tử bậc Thánh, bậc Hữu học thì nhiều, còn bậc Vô học thì ít; trong bậc Vô học, bậc giải thoát đúng thời thì nhiều, còn bậc giải thoát phi thời thì ít. Bậc La Hán giải thoát phi thời như vậy thế gian rất khó đắc. Ta đã thọ ký cho A-nan đắc đến chỗ này. Có các kẻ ngoại đạo nói như vậy: “Đại địa giới này thường lui lại không dừng”; thì phải đáp lời này: “Việc này không đúng”. Nếu thật như vậy thì như người ném vật phía trước mà vật rơi phía sau. Các ngoại đạo lại nói như vậy: “Đại địa giới này thường rơi xuống” thì phải đáp lời này là: “Việc này không đúng”. Nếu quả thật như vậy thì như ném vật lên phía trên, vật phải không rơi xuống đất. Lại nữa, các ngoại đạo lại nói như vậy: “Mặt trời, mặt trăng, các tinh tú thường đứng một chỗ, không di chuyển, đại địa tự chuyển động, đoán nghĩ là quay quanh mặt trời” thì phải đáp lời này là: “Việc này không đúng”. Nếu như vậy thì bản cung tên không đến được đích. Các ngoại đạo lại nói như vậy: “Đại địa giới thường nổi, tùy theo gió mà đến đi, qua lại” thì phải đáp như vậy: “Việc này không đúng”. Nếu quả thật như vậy thì đất thường hợp với gió mà chuyển động; nếu không như vậy thì đất có tướng gì, đất đứng yên không động. Nghĩa như vậy Thế Tôn đã nói, Tôi nghe như vậy.

Phẩm 2: NAM DIÊM PHÙ ĐỀ

Phật bảo: Này Tỳ-kheo! Có một cây gọi là Diêm-phù, do cây mà đặt tên nên gọi châu lục địa ấy là Diêm-phù-đề. Cây này sinh trưởng ở phía Bắc của cõi Diêm-phù-đề, ở bờ Nam sông Ny-dân-đà-la, gốc cây nằm chính giữa châu này. Từ gốc cây chính giữa, lấy theo hướng Đông Tây đến một nghìn do tuần là phạm vi của cây sinh trưởng, đầy đủ hình dáng đáng yêu, cành lá xum xuê, nhiều lớp che phủ dày kín, ở lâu trên cây cũng không hề tàn rụng, tất cả gió mưa không thể xâm tổn. Này Tỳ-

kheo! Thí như thợ vòng hoa trang hoàng vòng hoa đẹp để trang nghiêm, cây ấy hình dáng đẹp để đáng yêu cũng như vậy. Ở phần trên cây ấy cũng như một bông hoa, tuần tự che phủ cây ấy gốc to thẳng đến một trăm do tuần, không có mắt, đốt sần sùi; trong chu vi năm mươi do tuần là cành nhánh, đường kính thân cây rộng năm do tuần, chu vi là mười lăm do tuần, mỗi một nhánh của nó vươn ra đến năm mươi do tuần, trong khoảng ấy của cây thường rộng một trăm do tuần, với chu vi là ba trăm do tuần. Lúc quả của cây này chín, vị ngọt và hình thù không có quả gì sánh được, vị ngọt đậm như mật ong, khó mà nhàm chán, vị của quả thì như vậy, còn hình thù của quả lớn như bồn đựng nước, hạt của nó cỡ như hạt của cây Diêm-phù thế gian. Trên cây ấy có con chim, hình dáng lớn như đại điện, và con khỉ to như con voi lớn sáu mươi tuổi, hai loại chim và thú này thường ăn quả của cây. Cành phía Đông có quả, phần nhiều quả rơi xuống đất Diêm-phù-đề, chứ ít rơi xuống nước, quả của cành phía Tây cũng phần nhiều rụng trên đất Diêm-phù-đề, chứ ít rơi xuống nước, quả của cành phía Nam đều rơi xuống đất Diêm-phù-đề còn quả của cành nhánh phía Bắc đều rụng xuống nước sông, làm thức ăn cho cá. Chỗ rễ cây đâm đến đều có cát vàng che phủ, lúc mưa xuân thì phía dưới rễ không có thấm rỉ, vào mùa hạ thì không có khô nóng, mùa đông thì không có gió lạnh, dưới cây có thần Càn-thát-bà và thần Dạ-xoa nương trú. Những việc như vậy thì làm sao biết được? Ngày xưa, trong thành Vương Xá có hai Tỳ-kheo cùng là bằng hữu với nhau, đầy đủ sức thần thông. Họ nghe tướng của cây Diêm-phù từ kim khẩu của Phật nói ra như vậy, hai Tỳ-kheo này nói với nhau rằng: “Chúng ta phải đi đến xem cây Diêm-phù kia”. Người nào cũng bảo là để tôi đi, họ liền đi đến chỗ cây ấy, thấy quả của cây chín rụng xuống đất rồi tự vỡ. Một vị Tỳ-kheo, từ nơi lỗ thủng của cuống quả ấy đưa tay vào cho đến cánh tay, ngón tay dài nhất của Tỳ-kheo vẫn không đụng đến được hạt. Lúc rút tay ra ngoài, bàn tay và cánh tay đều đỏ, nhuộm màu của quả, giống như chỗ nhuộm màu đỏ của mũ cây Xích-chiên-đàn quý ở thế gian. Mùi thơm của quả cây này có thể đắm nhiễm lòng người. Lúc ấy Tỳ-kheo ngửi hương mùi của quả, vị Tỳ-kheo thứ hai hỏi: Ông muốn ăn không?” “Này Trưởng Lão! Tôi không thích ăn”. Việc này rất hiếm có, khó có thể nghĩ bàn, vì xa lìa được kiết dục rất là rộng lớn. Vì sao? Nếu người chưa lìa dục mà ngửi mùi hương như vậy thì liền sanh trạng thái điên cuồng. Có các người ngoại đạo lìa dục, nếu người ngửi mùi hương này thì thối mất Địa-ly-dục. Tỳ-kheo thứ hai này lúc trở về thành Vương Xá nói lại sự việc như trên. Lúc ấy có một người tên là

Trường Hinh, vốn là người thuộc dòng vua chúa, họ là Câu lợi, nhờ thiện báo đời trước mà có được thần thông. Người này có tướng mạo oai thần: Nếu đi trong nước thì chân trước chưa xuống nước, chân sau đã bước đi, nếu đi trên cỏ, cỏ chưa rạp xuống hai chân đã bước đi, nếu đi trên cây lá, cây lá chưa trĩu xuống thì chân sau đã bước qua, chỗ bước chân giẫm qua đều không bị hư hại. Ông Trường Hinh này từ lúc nghe Phật nói về cây Diêm-phù như vậy, liền bạch Phật.

- Bạch Thế Tôn! Con nay đi đến cây Diêm-phù có được không?

Đức Phật liền đáp:

- Đến được.

Người này đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, mặt hướng chính Bắc, từ đó xuất phát. Trãi qua các núi: một là núi Hắc sơn, hai là Đại Hắc. Ba là núi Đa Ly Ngưu, bốn là núi Nhật Quang, năm là núi Căn, sáu là núi Hương thủy, bảy là núi Kim Biên. Người này lên đỉnh núi Kim Biên, xoay mặt về hướng Bắc, từ thân mình nhìn ra xa chỉ thấy sự tối tăm và sợ hãi mà thôi, Phật hỏi:

- Ông có đi đến cây Diêm-phù không?

Đáp:

- Không đến.

Đức Phật hỏi:

- Ông thấy những gì?

Người này đáp:

- Chỉ thấy toàn là bóng tối.

Đức Phật nói:

- Sự tối tăm này tức là cây Diêm-phù.

Người này lại đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lại hướng về phía Bắc mà đi qua bảy núi: Một là núi Chu-la-ca-la, hai là núi Ma-ha-ca-la, ba là núi Cù-hán, bốn là núi Thủ-la, năm là núi Khể-la, sáu là núi Càn-đà, bảy là núi Tu-bạt-cơ. Lại đi qua sáu đất nước lớn:

Một là nước Cưu-Lưu

Hai là nước Cao Lạp

Ba là nước Tùy-đề-ha

Bốn là Ma-ha-tỳ-đề-ha

Năm là Tước-đa-ha-mạn-đà

Sáu là Sa-hy-ma-la-dã.

Đó là sáu đất nước lớn. Lại đi qua bảy rừng cây lớn, trong rừng có sông, đi qua hết bảy con sông này, lại đi qua rừng A-ma-la và rừng Ha-

lê-cách, cho đến cảnh phía Nam của cây Diêm-phù-đề. Từ cảnh phía Nam đi đến cảnh phía Bắc, người này cúi nhìn xuống nước, thấy tướng nước so với nước bình thường khác nhau, là rất lắng, rất trong, nhìn xuống thấy thấu suốt tận đáy không hề có sự che ngăn. Người này quan sát xong liền tư duy: “Thần thông của ta nay được thành tựu ở chỗ này không?” Nhân đó, chân đạp lên nước, tay vịn cành cây, chân này đến nước mà như đá xuống nước liền chìm, đối với thần thông này không được thành tựu. Vì sao như vậy? Vì nước này rất nhẹ, rất tế. Nếu lấy nước kia đổ vào trong nước này thì nước này như tô, như dầu nổi trên mặt nước, nếu lấy nước này đổ vào nước kia thì nước kia chìm như đá. Người này lấy một quả từ cây Diêm-phù, trở về thành Vương Xá dâng lên Thế Tôn. Đức Phật nhận lấy quả này, cắt ra thành nhiều miếng, phân phát cho đại chúng, mú của quả này dính nơi tay Phật.

Lúc ấy, Đức Phật dùng tay này chùi vào núi đá mà cho đến nay màu đỏ vẫn như xưa không sót, ứt vẫn không khô, dấu tay rõ ràng. Vì khi xưa Đức Phật chia quả này làm nhiều miếng nên gọi núi đá này là Phiến-phiến-ngung. Lúc ấy, Phật vì hoá độ Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp, lấy quả của cây Diêm-phù-đề này đưa cho Ca Diếp: “Này Ca Diếp! Ông ăn quả này”. Ca Diếp hỏi Đức Phật: “Bạch Sa-môn Đại Cồ Đàm! Sao có được quả này”? Phật bảo Ca Diếp: “Cây này tên là Diêm-phù, quả này có được từ cây này”. Ca Diếp thưa: “Con không thể ăn quả này, xin Ngài thọ”!

Lúc ấy các Thiên thần lại dâng quả Diêm-phù cúng dường Đức Phật, hoặc ở Xá-vệ, hoặc ở thành Vương-xá, hoặc ở nước Ca-tỳ-la-vệ... Sau khi Đức Phật nhận xong, phân phát cho đại chúng, lại các Tỳ-kheo khác trú chỗ Diêm-phù trở về chốn này nói, Tỳ-kheo Mục Liên cũng từng ở chỗ kia trở về đây. Đức Phật vì các Tỳ-kheo mà thuyết, do nhân duyên này việc này có thể biết rõ.

Phẩm 3: SÁU ĐẠI QUỐC

Ngoài cây Diêm-phù này, có hai cánh rừng, hình như bán nguyệt, vây quanh cây này. Trong đó có rừng tên là Kha-lê-lặc, ở ngoài gọi là A-ma-lặc, quả A-ma-lặc lúc chín, vị của nó rất ngon, không cay, không đắng, ngọt như mật ong, hình của quả lớn bằng như hai hộc (mười đấu). Hạt của nó như tính chất của hạt quả A-ma-lặc. Quả Kha-lê-lặc lúc chín, vị của nó rất ngọt, không cay không đắng, như vị của mật ong. Quả của cây trong nó lớn gấp hai quả trước, hạt của nó cũng như vậy. Khu rừng A-ma-lặc phía Nam lại có bảy khu rừng, trong đó có bảy con sông,

những khu rừng này rất rộng, giáp với khu rừng phía Bắc. Đó là:

1. Rừng Yêm-la
2. Rừng Diêm-Phù
3. Rừng Sa-la
4. Rừng Đa-la
5. Rừng Nhân-lâm
6. Rừng Thạch-lựu
7. Rừng Kiếp-tất-tha.

Quả của các rừng này lúc chín, mùi vị không cay, không đắng, ngọt như mật ong. Hình tướng của quả trong rừng Nhân-lâm giống y như hình người, như người đẹp thuộc dòng họ vua chúa cõi Diêm-phù-đề, họ tộc Câu Lê, như người nam mười sáu tuổi, người nữ mười lăm tuổi tướng mạo đoan nghiêm tròn đủ như lúc đi lấy chồng. Quả của rừng Nhân-lâm khả ái như vậy, hạt của nó mang hình như đầu tóc người chưa lìa dục, nghĩa là lúc thấy quả này liền sanh lòng yêu mến. Các ngoại đạo... có kẻ lìa dục, hoặc thấy quả này thì thối thất thiên định, dục tâm sinh trở lại. Lúc quả của nó chín, chim chóc tranh nhau ăn, những quả chim ăn còn thừa thì rơi rụng xuống đất, như rừng Thi-đà thật đáng chán ghét. Những người thối thất thiên định thấy tướng này xong, sinh lòng chán lìa sâu xa, trở về lại bổn định. Hai rừng này rộng năm mươi do tuần, phía Đông và Tây của rừng giáp đến biển. Mỗi một con sông trong đó rộng năm mươi do tuần, phía Đông và Tây của nó giáp đến biển. Rừng và sông đan xen lẫn nhau trong cõi Diêm-phù-đề, diện tích của nó đến bảy trăm do tuần. Phía Nam rừng Kiếp-tất-tha của nó có đến sáu nước lớn. Nước ở cực Nam là Cao-lưu, Câu-lạp-bà Tỳ-đề-ha; Ma-ha-tỳ-đề-ha, Uất-đa-la-mạn-đà, ở cực Bắc là Xả-hỷ-ma-la-da. Con người trong sáu nước này đều trình thiện, thọ trì mười pháp thiện, tự mình không sát sinh, không bảo người khác sát sinh; thú vật khi gần chết, tự đến chỗ người. Nó đã tự chết rồi, mới ăn thịt của nó, chỗ đất đó sanh ra bò đuôi dài, số lượng rất nhiều, dùng lông này để che nhà, đất ở đó sinh ra lúa mì, không cần canh tác, lúa mì này trở thành hạt gạo, không có cám mảy. Người các nước này nấu làm thức ăn, khí vị của hạt cơm nấu xong rất thơm ngọt như mật ong. Làm sao biết được điều này? Vì ở thời quá khứ lâu xa, có một vị vua xuất gia, vị phu nhân của vua này cũng xuất gia, vị Quốc sư Bà-la-môn cũng đi theo xuất gia, đã xuất gia rồi thì xa lìa các tướng, vào núi học đạo. Phu nhân của vua đến lúc kinh nguyệt, khi kinh nguyệt đã sạch, nàng đi đến chỗ vua, gặp vua liền bẩm vua rằng: “Thưa Đại Vương! Thiếp nay có kinh nguyệt, người xưa rất coi

trọng thai tức”. Nhà vua muốn xả bỏ không theo ý của Hậu phi, tư duy vào việc lớn lại sợ không thể được, liền cùng hòa hợp, mới có quý tử phước đức, nam nữ hai người cùng lúc thác thai. Hậu phi liền bỏ vua ra đi, trải qua một thời gian thì bụng to dần, đi qua từ các thôn xóm, đến các quận huyện cho đến các châu, mọi người đều chửi mắng: “Người nữ này không có đạo tâm, xuất gia mà phá giới”. Hậu phi nghe lời nói như vậy, sinh lòng hổ thẹn. Lúc ấy Quốc sư Đại Bà-la-môn đã tu luyện thành tiên đắc được ngũ thông, trú trong một khu rừng núi. Lúc Hậu phi nghe vị Bà-la-môn này trú ở núi ấy, liền đi đến tìm; lúc gặp Quốc sư rồi, Quốc sư liền hỏi Hậu phi: “Thai này của ai”? Hậu phi đáp: “Của vua”. Lúc ấy, Tiên nhân nhớ lại ân nghĩa xưa kia của nhà vua, mới dựng lên một lều tranh nơi một khu riêng và nói với Hậu phi rằng: “Thí chủ ở trong này tôi sẽ đi hái rau và hoa quả để cấp dưỡng cho thí chủ”. Hậu Phi y theo lời mà ở trong ấy. Lúc ấy, Tiên nhân y theo pháp, hái rau và hoa quả cấp dưỡng cho Hậu phi. Hậu phi mang thai đầy tháng liền sinh hai người con, một trai, một gái. Đến lúc dứt sữa, vị tiên này đuổi Hậu phi này nói: “Người hãy đi đi, tôi sẽ tùy theo rau quả hái được mà nuôi hai đứa trẻ này”. Hậu phi phải bỏ hai đứa con, theo lời Tiên nhân mà ra đi. Tiên nhân tùy theo rau quả hái được mà nuôi dưỡng hai đứa trẻ này. Hai đứa trẻ lớn lên một chút thì đã nhận biết nhiều điều. Ví như lúc Tiên nhân lấy các loại quả sống và chín thử cho hai đứa trẻ ăn, lúc ấy hai đứa trẻ đã tự phân biệt được: trái chín thì ăn, còn trái sống thì bỏ đi. Tiên nhân suy nghĩ: “Hai đứa trẻ này đã lớn, đã biết được quả sống và chín, có thể biết phân biệt nhiều điều, ta nay phải ở nước nào giàu vui an ổn, để an lập cho mấy đứa trẻ này”. Ông ta liền dùng ngũ thông thấy nơi chỗ đất có lúa gạo đó nên liền dùng thần lực bay trên không trung mang hai đứa trẻ đi để an lập trên đất này. Tiên nhân dạy hai đứa trẻ: “Cỏ này gọi là lúa”. Lúc ấy, Tiên nhân liền tự cắt lấy, chà sát ra để lấy gạo làm lương thực. Tiên nhân còn dạy bảo nhiều điều: “Các người từ nay phải y theo cách này mà làm ra lương thực, các người ở chỗ này chớ sinh lòng buồn chán, ta thường xuyên đến thăm các người”. Hai đứa trẻ vì thế mới ở chỗ này. Sau đó, Tiên nhân thường đến thăm viếng, hai đứa trẻ đã dần lớn lên theo năm tháng, giới tính nam nữ đã trưởng thành đầy đủ, họ liền kết phu thê với nhau và sinh ra con bầy cháu đông, làm thành sáu nước. Bấy giờ, vị vua ấy đã học đạo xong, lìa bỏ thân người, sanh lên cõi trời, bỏ thân cõi trời, về thọ thân người. Thọ thân người rồi thì được nương vào lời dạy chánh pháp vô thượng của Đức Phật mà xuất gia học đạo, đạt đến sáu thứ thần thông vô ngại. Vị này nhờ dùng sáu

thần thông nên quán thấy được đời trước của mình, thấy sáu đại quốc liền suy nghĩ: “Sáu nước lớn này đều là con cháu của ta”. Vì thương xót người trong sáu đại quốc này nên đã đi đến đó mà khát thực, được thức ăn mang về, không hỏi các Tỳ-kheo đã mà ăn trước. Lúc ăn một mình, các Tỳ-kheo gọi tên Tỳ-kheo này mà trách mắng: “Người là trưởng lão, nhiều lòng đố kỵ hẹp hòi, người là người xấu, được thức ăn khát thực mà không hỏi đến các Tỳ-kheo, lại ăn một mình”. Tỳ-kheo này đáp: “Tôi nay không vì sự đố kỵ, mà không chia sẻ cho các vị. Vì sao? vì thức ăn như vậy người chưa lia dục thì không được ăn. Lúc Tỳ-kheo này ba lần rửa bát, nước thứ hai bỏ đi, dùng một ít nước lần rửa sau bố thí cho các Tỳ-kheo. Trong cõi Diêm Phù Đề này không có một mùi vị nào ngang hàng với vị này. Lúc ấy Tỳ-kheo này vì các Tỳ-kheo ấy mà thuyết tuần tự về nhân duyên của vị thức ăn này: Sáu Đại quốc ấy vốn là con cháu của tôi cả, cho nên vì lợi lạc của người nước ấy nên tôi đến đó khát thực, có Tỳ-kheo khác cũng đến đó khát thực, Đại Mục-kiền-liên cũng đến khát thực. Phật Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói tuần tự về nhân duyên của sáu nước này, cho nên biết được chuyện của sáu Đại quốc này.

Phẩm 4: THÂN DẠ XOA

Lúc ấy trong cõi Diêm-phù-đề này có hai dãy núi, dãy phía Nam sông Hằng tên là núi Bà-đa-kỳ-lợi, dãy phía Bắc sông Hằng tên là núi Ấ-ma-bạt-đa. Trong núi Bà-đa-kỳ-lợi, các núi to nhất có núi:

Một là Tát-xa.

Hai là Tần-ha.

Ba là Mạt-xa.

Bốn là Ngu-xa-bà.

Năm là Gian-ha-kỳ-lợi.

Sáu là Ba-lê-da-đa-la.

Trong núi Ấ-ma-bạt-đa, các núi to nhất gồm các núi:

Một là Chu-la-ca-la.

Hai là Ma-ha-ca-la.

Ba là Cự-ha-na.

Bốn là Tu-la-bà-kế-ha.

Năm là Kê-la.

Sáu là Càn-đà-ma-đà

Bảy là Tu-bàn-na-bàn-sa.

Nếu tất cả các Thần trú ở núi phía Nam sông Hằng thì gọi là Thần

Bà-đa-kỳ-lợi, nếu Thần ở núi phía Bắc sông Hằng thì gọi là Ế-ma-bạt-đa. Vì Thần Bà-đa-kỳ-lợi này thống lĩnh tất cả các Thần phía Nam sông Hằng nên gọi là vua. Vì Thần Ế-ma-bạt-đa này thống lĩnh tất cả các Thần núi phía Bắc sông Hằng nên gọi là vua. Vì sao vậy? Có một Thần vương tên là Ế-ma-bàn trú ở núi Ế-ma-bạt-đa, là Thần vương trưởng lão nhất, tuổi tác đến lúc rất cao, thì bị bệnh nặng nên lúc Thần này mất, Thần gọi một thái tử tên là Ế-ma-bạt-đa đến dạy bảo và nói với con rằng: “Này con! Ta đã được nghe thuở xưa, Thần Dạ xoa lúc tuổi rất cao đã gặp Phật quá khứ, đã từng được gặp Phật Ca Diếp. Nghe nói Đức Thích Ca Mâu Ni cũng sắp ứng thân xuất thế. Như nhân duyên ta thấy tướng ứng hiện và những gì được biết thì Đức Phật Thích Ca không lâu nữa sẽ ứng hiện. Này con! Nếu ta xả mạng nửa chừng, không gặp được Phật thì con phải quyết đến gặp Đức Phật. Nếu con gặp được Phật thì quyết sẽ được lợi lạc lớn”. Thái tử hỏi: “Làm sao con biết được lúc Phật xuất thế”. Người cha đáp: “Ở trong nhà chưa từng có vật báu, mà xuất hiện; phải biết lúc ấy Như Lai xuất thế. Lại có một Thần vương tên là Bà-đa-kỳ-lợi trú ở trong cõi nước Ma-già-đà; con phải kết bằng hữu với vị này, cùng lập thệ nguyện: “Tôi và ông cùng ở một chỗ, nếu có thấy điều gì kỳ báu hy hữu xuất hiện thì không được không báo cho nhau biết”. Lúc người cha dạy bảo người con xong thì liền xả bỏ thân mạng. Lúc ấy, Thái tử làm lễ tang cúng dường thi thể cha xong vì tôn trọng nhớ lời di huấn của cha căn dặn nên Thái tử qua sông tìm Thần vương Bà-đa-kỳ-lợi. Lúc đến chỗ Thần, đối diện với Thần nói chuyện cùng nhau hoà kính, cùng ngồi một chỗ. Thần Ế-ma-bạt-đa nói với Thần Bà-đa-kỳ-lợi vương rằng: “Thưa ông! Lúc cha tôi sắp chết có nói những lời như vậy, thì liền qua đời, cho nên tôi nay nói với ông về việc này. “Nếu ở trong nhà bất chợt thấy vật báu xuất hiện thì nhất quyết phải báo cho nhau biết”. Bà-đa-kỳ-lợi nói: “Đúng vậy, đúng vậy”. Lúc hai người đã lập thệ nguyện xong, mỗi người đều trở về chỗ của mình. Sau đó trong nhà Thần vương Ế-ma-bạt-đa có kỳ báu xuất hiện, là hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, lá bằng vàng, cành bằng các báu. Lúc ấy có một vị Thần thấy hoa sen này liền đưa đến tâu vua: “Nay ngài biết không, có vòng ngọc báu kỳ lạ, trên đời chưa từng có, nay đã xuất hiện, hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, lá làm bằng vàng, cành bằng các báu, đây là Thiên vật, mong Ngài đến xem”. Lúc Thần vương nghe vậy xong liền đi đến bên lầu thấy hoa Sen này, đầy đủ nghìn cánh, lớn như bánh xe, làm bằng các báu, trang nghiêm kỳ lạ. Thấy việc này rồi nhà vua hết sức kinh ngạc, lông trên mình dựng đứng, tự xuống ao, cung

kính chấp tay đánh lễ ba lần, nhiễu quanh ba vòng, suy nghĩ như vậy: “Lúc xưa, ta đã từng gặp thiện hữu bảo với ta rằng: “Nếu chỗ người thiện hữu ở có báu kỳ lạ xuất hiện phải báo đến cho ta”. Nhớ nghĩ xong liền nhờ người thuộc hạ đi đến báo cho Thần vương Bà-đa-kỳ-lợi rằng: “Thưa Ngài! nay ở chỗ tôi có vật báu hy hữu đã xuất hiện, đầy đủ các tướng báu. Nay ông phải cùng tôi đi đến đó chiêm ngưỡng”. Lúc ấy, Thế Tôn đã xuất hiện ở đời, đã nói chánh pháp, hoàn toàn tịch tĩnh, nay đến Niết bàn, đã đến Bồ đề, Thế tôn đang thuyết pháp. Lúc ấy Thần vương Bà-đa-kỳ-lợi nhớ lại việc này, liền suy nghĩ: “Lúc trước ta đã từng gặp bạn lành đi đến báo cho ta: “Trú xứ của ông sẽ có Chư Phật Thế Tôn ở trong đó đắc đạo, nếu Đức Phật đã xuất thế, ông phải báo cho ta”. Vì sự mong muốn của vị bạn lành đó nên ta phải báo. Vua Bà-đa-kỳ-lợi liền cho người đến báo với vị vua này rằng: “Thưa Ngài! Nếu có một hoa sen thì có lợi ích gì, nếu có trăm nghìn hoa sen thì cũng có lợi ích gì? Trong nước tôi chưa từng có một vật báu, nay đã xuất hiện. Cái gì gọi là báu? Đó là Đa-đà A-già-độ A-la-ha-Tam-miệu-tam-Phật-đà nay đã xuất hiện ở đời. Nay ông phải đến cùng tôi cúng dường báu này. Vào ngày mười lăm tháng chín là lúc đại chúng bố tát, vua Hê-ma-bạt-đa có năm trăm vị Thần cùng nhau đến vây quanh, cầm các hoa sen, mặt hướng về Nam, bay trên không mà đi, đến chỗ Bà-đa-kỳ-lợi. Vị vua kia lại đem năm trăm Thần cùng nhau vây quanh đón vị vua này nơi bờ Nam sông Hằng, cùng nhau tụ tập, gặp gỡ nhau xong, vua Hê-ma-bạt-đa bèn nói kệ rằng:

*Nay ngày rằm thanh tịnh
Lúc bốn vua tụ hội
Chúng tôi thờ thầy nào
Ông tin A-ba-ha*

Lúc ấy vua Bà-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Lúc này, Phật Thế Tôn
Trú thành Ma-già-đà.
Vì diệt tất cả khổ
Nói pháp Nhất-thiết-trí,
Các khổ và khổ tập,
Khổ diệt không sinh lại,
Bát chánh đạo diệt khổ,
Không nào hướng Niết-bàn.
Thế nên ông cùng tôi
Phải đến thờ người này,*

Tất cả không thể sánh.

Bậc La-ha, ta tin.

Lúc Ế-ma-bạt-đa nghe kệ này rồi lòng rất sợ hãi, lông thân dựng đứng, hoài nghi chưa tin, ba lần phân biện: “Thưa ngài! Nay Ngài nói Thế Tôn xuất thế”. Đáp: “Thưa ông! Tôi nói Phật bảo xuất thế”; lần hai, lần ba hỏi đáp cũng như vậy. Lúc ấy, Thần Vương ở núi phía Bắc tức thời như năng lực suy lường bốn pháp hành trụ, oai nghi, cảnh giới của chư Phật, hỏi Thần vương ở Nam sơn bằng kệ rằng:

Tâm Phật đối chúng sinh,

Khéo được an lập chăng?

Hai tư duy thương, ghét

Đã được diệt hết chăng?

Lúc ấy, Thần vương ở Nam sơn dùng kệ đáp:

Tâm Phật đối chúng sinh,

Chân thật được an lập

Hai tư duy: thương, ghét

Diệt hết không còn nữa

Thần vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi:

Phật có vọng ngữ chăng?

Không lời hại người chăng?

Không lời ly tán chăng?

Có lời vô nghĩa chăng?

Thần Vương Nam sơn dùng kệ đáp:

Phật không nói vọng ngữ,

Cũng không lời khổ não,

Không nói lời ly gián,

Nói lời nghĩa đúng mức.

Thần vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi:

Phật không trộm vật người?

Không tổn mạng người chăng?

Xa lìa các phóng dật?

Không tổn thiên định chăng?

Thần Vương Nam Sơn nói kệ đáp:

Phật không lấy của người,

Thường bảo hộ mạng người,

Xa lìa các phóng dật,

Không tổn thiên định sâu.

Thần Vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi:

*Phật không nhiễm ái dục,
Tâm tịnh, không bồn chảng?
Đã vượt dòng vô minh,
Được pháp nhãn tịnh chảng?*

Thần vương Nam Sơn đáp:

*Không nhiễm nơi dục trần,
Tâm địa rất thanh tịnh.
Đã vượt ngoài vô minh,
Đối pháp được tịnh nhãn.*

Thần vương Bắc Sơn lại hỏi:

*Phật sáng suốt trọn đủ
Pháp đủ thanh tịnh chảng?
Bốn lưu đã dứt chảng?
Đời sau đã hết chảng?*

Thần vương Nam Sơn lại đáp:

*Phật sáng suốt trọn đủ.
Pháp đủ luôn thanh tịnh
Bốn lưu đã đoạn dứt,
Nên không có thân sau.*

Lúc Thần vương Bắc Sơn nói xong, lòng sinh hoan hỷ, nói kệ tán thán:

*Ý trí giả thành tựu,
Tất cả việc đã xong,
Cùng thân, khẩu thanh tịnh,
Tán thán đủ trí minh.*

Thần vương Nam Sơn tâm khẩu hoan hỷ, nói kệ tán thán:

*Tâm Phật thật tịch tĩnh
Thân khẩu thường lợi người
Thập lực khó ai sánh
Tùy hỷ lời ông khen,
Tâm trí giả thành tựu,
Cùng với thân, khẩu nghiệp,
Minh pháp trọn đầy đủ,
Liền cùng ông đến xem.
Nay ngày rằm Bó tát,
Lúc bốn vua vân tập
Tâm giải thoát không nhiễm,
Tôi cùng ông đánh lễ.*

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang ở dưới cây Nặc-cù-đề trong thành Vương Xá, hai Thần vương này có một nghìn vị Thần vây quanh đi đến chỗ Đức Phật. Đến chỗ Phật rồi, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy vua Bắc Sơn dùng kệ hỏi:

*Năng thuyết cũng năng hành
Qua dòng đến vô lậu
Độc hành như Sư tử
Phật không nhiễm thế pháp,
Qua bờ tất cả pháp.
Ân cần nên đến hỏi
Chúng sinh sinh chỗ nào?
Thường huân tập chỗ nào?
Năm giữ là vật gì?
Chỗ nào mà chịu khổ?*

Lúc ấy, Thế Tôn dùng kệ đáp Thần vương Ế-ma-bạt-đa rằng:

*Chúng sinh sinh sáu xứ.
Thường huân tập sáu chỗ.
Năm giữ sáu loại pháp.
Sáu xứ thọ khổ nào.*

Thần vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi Phật:

*Thủ này là thủ gì,
Mà khiến chúng sinh khổ?
Mong đáp hết nghi vấn,
Làm sao giải thoát khổ?*

Lúc ấy, Thế Tôn dùng kệ đáp Thần vương Ế-ma-bạt-đa:

*Thế gian có năm trần,
Ta nói tâm thứ sáu,
Lìa dục nhiễm trong đó,
Giải thoát khổ như vậy.
Chúng sinh đắc xuất ly,
Đã nói lượng như lý
Nay người đã có hỏi,
Cho nên đáp xuất ly.*

Thần vương Bắc Sơn lại dùng kệ hỏi Phật:

*Ai nhanh qua được dòng,
Không đày, không vướng víu
Ngày đêm không mệt mỏi*

*Chỗ sâu ai không chìm?
 Lúc ấy, Thế Tôn dùng kệ đáp Thần vương Ế-ma-bạt-đa
 Thường giữ giới thanh tịnh,
 Tinh tấn không tán tâm,
 Tư duy trong chánh niệm,
 Nhờ trí qua chỗ khó.
 Dục tưởng không có dục,
 Trừ diệt sắc trói buộc
 Mãi dứt có hỷ ái
 Người này không thể chìm.*

Lúc ấy, hai vị thần vương Nam, Bắc sơn cùng dùng kệ để tán thán Đức Phật:

*Nay, chúng con khéo thấy
 Khéo đến, cùng khéo rõ
 Chúng con gặp Chánh giác
 Giảng nói đạo cam lồ
 Tên không diệt mất, thấy thật nghĩa
 Thường vui vấn nạn không chỗ nhiễm
 Trí tuệ thấu tận đều giải thoát
 Hành nơi Thánh lộ-Đại Tiên nhân
 Nghìn chúng Dạ-xoa khác,
 Có tiếng tăm uy thần
 Tất cả quy y Phật
 Là bậc Vô Thượng Sư.*

Ba Dạ-xoa này ngồi ở ba góc nên đến nay đường có tên là Lăng Giác. Lúc ấy Đức Thế Tôn đang ở dưới cây, cho nên cây này tên là Cù-nặc-đàm-cù-đề. Vì việc của hai thần Dạ-xoa này, cho nên biết được hai dãy núi Nam và Bắc.

